

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- Bản án số: **400/2019/DS-ST**;
- Ngày: 11/11/2019
- V/v: “Tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông **Phạm Văn Tài**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hoàng Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- *Thư ký phiên tòa:* anh **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* bà **Nguyễn Thị Phương Ngọc** kiểm sát viên

Ngày 06 và ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2018/TLST- DS ngày 21/6/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2019/QĐXXST-DS ngày 07/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 378/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 384/2019/QĐST-DS ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Đình Minh A, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

***Người đại diện theo ủy quyền: Lê Thành B, sinh năm 1960.**

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang

2. Bị đơn: Phạm Văn C, sinh năm 1976

Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: ấp M2, xã N, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Đỗ Thị Việt E, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp M3, xã N2, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Quang G, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp M3, xã N2, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp M4, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

3. Đỗ Ngọc H1, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

(Bà Anh, ông B và anh C có mặt, các đương sự còn lại xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại biên bản hòa giải mà nguyên đơn trình bày cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 06/11/2017 đến ngày 13/3/2018, anh A có bán thức ăn chăn nuôi gà cho vợ chồng anh C, chị D là chủ trại nuôi gà, theo thỏa thuận anh giao thức ăn gói đầu cho C, D, sau khi bán gà thì thanh toán tiền thức ăn, trong thời gian bán thức ăn, anh sàng, chị D có trả tiền thức ăn nhưng còn nợ lại một ít, đến ngày 13/3/2018 giữa anh và vợ chồng anh C, chị D quyết toán tiền thì vợ chồng anh C, chị D còn nợ lại 1.452.265.000 đồng. Kể từ khi quyết toán nợ đến nay, anh C và chị D không mua thức ăn cũng như không thanh toán tiền nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 05.9.2019, nguyên đơn trình bày: Khoảng tháng 9/2015, anh là chủ đại lý bán thức ăn gia súc tên đại lý là Lê Đình Minh A, là đại lý của Công ty TNHH CJ ViNa Agri.

Anh có hùn làm ăn với bà Việt E (dì họ của anh) cụ thể: bà Việt E có kho chứa thức ăn nên mỗi bên bỏ ra số tiền 800.000.000 đồng để làm vốn mua thức ăn chăn nuôi. Anh có đưa cho bà E số tiền 800.000.000 đồng này. Bà Anh có nhiệm vụ giao thức ăn cho khách hàng còn anh sẽ tìm khách hàng để tiêu thụ thức ăn. Thời gian này anh có hợp đồng bằng văn bản để cung cấp 5.000 con gà giống và bán thức ăn chăn nuôi gà cho vợ chồng anh C, bà D.

Anh chỉ là người đứng ra hợp đồng mua bán với anh C, chị D còn tiền 5.000 con giống và thức ăn là do bà E cung cấp. Anh là người trực tiếp ký hợp đồng mua bán với anh C về việc cung cấp thức ăn, con giống cũng như phương thức trả nợ, chiết khấu cho anh C, chị D khi trả trước hạn và hai bên thỏa thuận khi bán gà xong thì anh C và chị D sẽ thanh toán tiền.

Hợp đồng bằng văn bản chỉ ký một lần, những năm sau đó chỉ hợp đồng miệng chứ không ký văn bản nữa.

Khi giao thức ăn, bà E trực tiếp cho người chở thức ăn lên chuồng nuôi gà của anh C để giao, anh C, chị D ký sổ giao nhận với bà E.

Trong thời gian qua, anh C và chị D có thanh toán tiền cho anh nhưng mỗi đợt trả tiền cũng còn nợ một số tiền. Ngày 13/3/2018, giữa anh cùng anh C và chị D quyết toán xác nhận nợ thì phía anh C và chị D còn nợ lại tổng số tiền 1.452.265.000 đồng. Kể từ khi quyết toán nợ cho đến nay, anh C và chị D không mua thức ăn của anh nữa và không thanh toán số nợ này mặc dù anh đã nhiều lần yêu cầu trả nợ mà chỉ hẹn hoài cho đến nay.

Việc bà Việt E cho rằng số nợ 1.452.265.000 đồng nêu trên là tiền của bà, bà yêu cầu vợ chồng anh C, chị D trả cho bà chứ không phải trả cho anh là anh không đồng ý vì số nợ này là nợ chung giữa anh và bà Việt E chứ không phải của riêng bà E do giữa anh và bà E có hùn vốn để mở đại lý và mua thức ăn về bán lại cho khách hàng, trong đó có anh C, chị D.

Nay anh yêu cầu anh C và chị D phải trả số tiền 1.452.265.000 đồng, trả

ngay khi án có hiệu lực pháp luật và trả cho anh và bà Việt E, không phải trả riêng cho anh.

Việc anh C cho rằng số nợ này là nợ chị Đỗ Ngọc H1 chứ không nợ anh là không đúng vì chị H1 là vợ anh chỉ đứng tên Đại lý Master Tiền Giang chứ không phải chị H1 đứng ra giao dịch mua bán thức ăn với C và D mà anh là người đứng ra giao dịch mua bán, do anh và bà E hùn vốn với nhau nên nợ này là tiền nợ chung của anh và bà Việt E.

Đối với giấy nợ ngày 10/9/2017 mà vợ chồng C ký cho anh, nợ anh 1.833.048.000 đồng là số nợ còn lại khi hợp đồng mua thức ăn từ tháng 9/2015 cho đến ngày 10/9/2017, sau đó anh C, chị D có trả cho anh được 800.000.000 đồng, còn 1.033.048.000 đồng, sau đó anh C và chị D tiếp tục chăn nuôi và lấy thức ăn cho đến ngày 13/3/2018 là nợ anh số tiền tổng cộng là 1.452.265.000 đồng nên anh khởi kiện.

Bà Việt E nói trả cho anh tiền hoa hồng 200 đồng/ký thức ăn là không đúng, anh thừa nhận có nhận tiền từ bà E nhưng đây là chi phí khi anh nhận làm thị trường từ bà E, anh không nhớ rõ thời gian cũng như số tiền đã nhận vì khoảng 5-7 tháng anh mới nhận tiền một lần và nhận mỗi lần vài chục triệu đồng.

* Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn Huỳnh Thị Kim D trình bày: chị thừa nhận vợ chồng chị có mua thức ăn chăn nuôi gà với bà Việt E và còn nợ bà E số tiền 1.452.265.000 đồng chứ không có mua bán và không có nợ tiền của anh A nên không đồng ý trả nợ cho anh A. Do bận việc gia đình nên chị có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa dân sự sơ thẩm.

* Tại biên bản hòa giải, bị đơn Phạm Văn C trình bày: Anh và chị D là vợ chồng. Tháng 9/2015, A có hợp đồng bán thức ăn và gà giống cho anh. Anh với A có ký hợp đồng mua bán với nhau. A chỉ ký hợp đồng còn con gà giống và thức ăn anh trực tiếp nhận từ bà Việt E, hai bên thỏa thuận khi gà xuất chuồng vợ chồng anh sẽ trả tiền. Khi nhận gà và thức ăn, có lúc anh nhận, có lúc vợ anh trực tiếp nhận và ký nhận vào sổ giao thức ăn từ bà Việt E. Do việc chăn nuôi bị thua lỗ nên có lúc trả hết tiền có lúc còn nợ lại. Tính đến ngày 13/3/2018, vợ chồng anh còn nợ bà Việt E số tiền 1.452.265.000 đồng. Anh khẳng định lúc đầu anh có hợp đồng mua thức ăn từ anh A nhưng nhận gà giống và thức ăn là do bà Việt E trực tiếp giao cho anh. Thời gian sau anh chăn nuôi thì anh trực tiếp giao dịch mua bán, thỏa thuận với bà Việt E chứ không thỏa thuận với anh A. Anh nhận thức ăn từ bà Việt E và chốt số tiền nợ 1.452.265.000 đồng với bà Việt E chứ không phải nợ A, còn giữa bà E và anh A có hợp đồng làm ăn gì với nhau thì anh không biết.

Đối với giấy nợ ngày 10/9/2017 mà vợ chồng anh ký cho anh A, nợ 1.833.048.000 đồng là do lúc đầu anh A đứng tên Đại lý thức ăn tên là Đại lý Master Tiền Giang và do lúc đầu anh có ký hợp đồng mua thức với anh A nên A kêu anh xác nhận nợ cho A để báo về công ty nên ngày 10/9/2017 vợ chồng anh có ký tên xác nhận nợ 1.833.048.000 đồng chứ thực sự số nợ này là nợ bà Việt E, sau đó anh có trả dần cho bà E nên còn lại 1.452.265.000 đồng như hiện nay. Nay anh chỉ đồng ý trả số nợ 1.452.265.000 đồng cho bà Việt E chứ không phải

trả nợ A, anh sẽ trả cho bà Việt E mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bên cạnh đó, trong quá trình chăn nuôi, anh chăn nuôi số lượng nhiều nên có ký xác nhận công nợ với chị Đỗ Ngọc H1 là vợ của anh A và là chủ đại lý Master Tiền Giang nên để dễ dàng mua thức ăn với số lượng lớn và dễ vay vốn Ngân hàng Hàng Hải nên anh có ký giấy nợ với chị H1 nhưng không nhớ rõ số nợ bao nhiêu chứ thật ra anh không nợ chị H1, mà ký giấy nợ này để dễ làm việc, vay vốn của Ngân hàng.

* Tại biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H trình bày: anh có tên thường gọi là Sori. Khoảng gần tết năm 2018, anh có mua gà thịt của anh C và chị D, khi mua bán gà các bên thống nhất, thay vì anh phải trả tiền mua gà cho anh C, chị D nhưng anh C, chị D kêu anh phải trả tiền cho bà Việt E để trừ tiền thức ăn mà anh C, chị D nợ bà Việt E và anh đã trả cho bà Việt E số tiền 203.600.000 đồng. Do bận việc gia đình nên anh có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa dân sự sơ thẩm.

* Tại biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quang G trình bày: Khoảng đầu năm 2018, anh có mua gà thịt của anh C, bà D. Lúc mua gà, anh được biết thức ăn nuôi gà do anh A bán cho anh C, chị D nhưng do bà Việt E (bà Tư) ở ngã tư Hòa Bình giao cho anh C, bà D. Khi bắt gà, anh C, chị D có kêu anh đem tiền mua gà trả cho bà Việt E nên anh đã trả cho bà Việt E lần đầu 58.300.000 đồng và lần sau 27.175.000 đồng để cân trừ tiền thức ăn. Do bận việc gia đình nên anh có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa dân sự sơ thẩm.

* Tại biên bản ghi lời khai, đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Đỗ Thị Việt E trình bày: Bà là dì họ của anh A. A làm đại lý bán thức ăn của Công ty TNHH CJ ViNa Agri lấy tên là Đại lý Lê Đình Minh A, sau này chuyển cho vợ của A là Đỗ Ngọc H1 đứng tên đại lý và đổi tên là Đại lý Master Tiền Giang. Bà cũng có cửa hàng bán thức ăn, có đăng ký kinh doanh và được UBND huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Do anh A là đại lý của công ty nên bà và A có thỏa thuận với nhau, A tìm người mua thức ăn còn bà sẽ bán thức ăn cho người mua để nâng số lượng tiêu thụ thức ăn và cả hai cùng được hưởng hoa hồng từ công ty sẽ cao hơn, A đồng ý để cho bà sử dụng tên của A để mua thức ăn ở Công ty nên mỗi ký thức ăn bán được, bà trả hoa hồng cho A là 200 đồng/ký. Bà là người trực tiếp đi mua thức ăn và trả tiền mua thức ăn cho Công ty TNHH CJ ViNa Agri, địa chỉ Quốc lộ 1A, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Do A đứng tên đại lý nên mỗi lần mua, bà mua với danh nghĩa là lấy tên của A nhưng tiền là tiền của cá nhân bà trả cho công ty bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng chứ A không có trực tiếp mua.

Thời gian qua, bà có trả hoa hồng cho A 200 đồng/ký thức ăn mà A bán được. Bà không có hùn làm ăn với A và không có nhận của A 800.000.000 đồng như A trình bày.

Tháng 9/2015, A có giới thiệu C và D đến mua gà giống và thức ăn của bà, bà trực tiếp giao gà giống và thức ăn cho C và D, hai bên thỏa thuận khi gà xuất chuồng, C và D sẽ trả lại cho bà. Khi giao thức ăn, bà là người trực tiếp cho

nhân viên đến giao và cho C và D ký tên nhận vào sổ của bà. Bà bán cho C và D có lúc trả dần, có lúc còn nợ lại. Tính đến ngày 13/3/2018, vợ chồng C, D còn nợ bà số tiền 1.452.265.000 đồng.

Số tiền nợ thức ăn 1.452.265.000 đồng là nợ tiền riêng của bà, không phải nợ chung của bà và A, bà và A không có hùn vốn để mua bán thức ăn với nhau.

Bà trả tiền hoa hồng cho A thông qua chuyển khoản vào số tài khoản của A và có lần thay vì chuyển khoản trả hoa hồng cho A nhưng bà chuyển khoản cho Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang (tên cũ là Công ty TNHH MTV Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế Tiền Giang) để trừ nợ tiền thuốc thú y cho Đại lý Minh Anh.

Trước đây do A giới thiệu C, D đến mua thức ăn của bà nên bà nghĩ để A đi khởi kiện để yêu cầu trả nợ cho bà hơn nữa bà và A là bà con với nhau, bà đã giao Bản chính của sổ theo dõi mua hàng cho A giữ để khởi kiện nhưng sau đó A khởi kiện yêu cầu C, D trả cho A, nay A nói tiền nợ này là tiền hùn giữa A và bà và yêu cầu trả nợ cho A và bà là không đúng, tiền nợ này là của riêng bà, bà yêu cầu vợ chồng C, D phải trả cho bà số tiền nợ này.

Nay bà đồng ý cho vợ chồng anh C, chị D trả cho bà số tiền trên theo phương thức: mỗi năm trả 400.000.000 đồng, trả vào đầu năm, bắt đầu trả khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi xong số nợ trên. Bà không yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản ghi lời khai, chị Đỗ Ngọc H1 trình bày: chị là vợ của anh A, là chủ cửa hàng thuốc thú y Minh Anh (Đại lý Master Tiền Giang), trong giấy phép kinh doanh có tên chị và anh A. Bà Việt E là dì họ của anh A, hai bên hùn vốn làm ăn và hưởng hoa hồng như thế nào, chị không biết. Việc anh C trình bày có viết giấy nợ cho chị nợ 1.033.048.000 đồng là không có, giữa chị và anh C cũng như với chị D không có ký bất kỳ giấy nợ với nhau. Do bận việc gia đình nên chị xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa dân sự sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ kiện: yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà Đỗ Thị Việt E là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Anh A, bà E cùng khởi kiện yêu cầu anh C, chị D trả lại số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu 1.452.265.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn hiện đang cư trú, sinh sống

tại ấp M2, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo có thẩm quyền giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các quy định của pháp luật liên quan.

[2] Anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang G, chị Huỳnh Thị Kim D, chị Đỗ Ngọc H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh A, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét thấy: tại đơn khởi kiện, anh A yêu cầu anh C, chị D trả cho cá nhân anh số nợ 1.452.265.000 đồng vì anh cho rằng đây là số tiền nợ mà anh C, chị D nợ cá nhân anh nhưng tại biên bản hòa giải ngày 05.9.2019 và tại phiên tòa, phía anh A xác định anh và bà Việt E có hùn vốn làm ăn với nhau, cụ thể: bà Việt E có kho chứa thức ăn chăn nuôi ở ấp Thạnh Hiệp, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang nên mỗi bên bỏ ra số tiền 800.000.000 đồng để làm vốn mua bán thức ăn chăn nuôi, vì thế anh có đưa cho bà E số tiền 800.000.000 đồng nhưng anh A không có chứng cứ chứng minh có hùn vốn với bà Việt E số tiền 800.000.000 đồng, trong khi theo sổ mua bán thức ăn được Tòa án đối chiếu ngày 30/9/2019, các đương sự đều thống nhất sổ giao thức ăn này để giao thức ăn nuôi gà cho vợ chồng anh C, chị D, thời gian từ ngày 06/01/2017 đến 13/3/2018 do phía bà Việt E giao thức ăn, có chữ ký của bà Việt E cùng vợ chồng anh C, chị D nhận và ký tên; vợ chồng anh C, chị D đều thừa nhận chỉ mua bán thức ăn với bà Việt E chứ không mua bán với anh A nên không đồng ý trả nợ cho anh A. Anh A cũng không cung cấp được hợp đồng mua bán thức ăn ký với anh C, chị D.

[4] Bên cạnh đó, lời khai của anh Nguyễn Văn H (tên thường gọi Sori) và anh Nguyễn Quang G là người mua gà thịt của vợ chồng anh C, chị D cũng đều khẳng định khi mua gà của vợ chồng anh C, chị D các anh đều trả tiền mua gà cho bà Việt E để trừ tiền thức ăn nuôi gà, việc trả tiền cho bà Việt E đều có sự đồng ý của vợ chồng anh C, bà D.

Bà Anh không thừa nhận hùn vốn với anh A, thức ăn này do bà trực tiếp mua, bán và giao cho anh C, bà D. Bà và anh A có thỏa thuận khi anh A giới thiệu khách hàng mua thức ăn thì bà sẽ trả hoa hồng cho anh, cứ mỗi ký thức ăn trả 200 đồng và bà đã nhiều lần chuyển khoản cho anh A qua số tài khoản số 070008983796 của anh A.

Theo Thông báo ngày 01.10.2019 của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Tiền Giang, Phòng giao dịch Chợ Gạo xác định số tài khoản số 070008983796 là tài khoản của anh A và bà E đã chuyển khoản 04 lần tổng cộng 160.000.000 đồng với nội dung chuyển tiền lương, trong thời gian từ ngày 25/9/2015 đến ngày 15/5/2017.

Bên cạnh đó, ngày 09/8/2016, bà E còn chuyển khoản số tiền 29.796.000 đồng vào số tài khoản 070062727479 của Công ty TNHH MTV DDNN Quốc Tế Tiền Giang, nội dung chuyển tiền “Minh Anh trả tiền thức ăn”. Tại văn bản ngày 03.10.2019, Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang xác nhận: ngày 09/8/2016, bà E có chuyển khoản cho Công ty TNHH MTV Dinh Dưỡng Nông Nghiệp

Quốc Tế Tiền Giang số tài khoản 070062727479 với số tiền 22.796.000 đồng, chuyển tiền này để trả tiền mua thức ăn gia súc và công ty đã nhập vào công nợ Đại lý Minh Anh để giảm trừ tiền hàng đại lý đã nợ của công ty, người đại diện đại lý Minh Anh là Lê Đình Minh A.

[5] Anh A cho rằng: ngày 10/9/2017, vợ chồng C ký giấy xác nhận và cam kết thanh toán công nợ, nợ anh số tiền 1.833.048.000 đồng là do hợp đồng mua thức ăn từ tháng 9/2015 đến ngày 10/9/2017, sau đó anh C, chị D có trả cho được 800.000.000 đồng, còn 1.033.048.000 đồng, sau đó anh C và chị D tiếp tục mua thức ăn cho đến ngày 13/3/2018 nợ anh số tiền tổng cộng là 1.452.265.000 đồng nên vợ chồng anh C, chị D ký xác nhận công nợ này với anh A. Anh C thừa nhận chữ ký trong giấy này đúng là của vợ chồng anh nhưng việc ký này chỉ là hình thức để A báo về Công ty để hưởng hoa hồng với công ty chứ thật sự vợ chồng anh không có nợ anh A số tiền này.

Nhận thấy, giấy xác nhận và cam kết thanh toán công nợ ngày 13/3/2018, anh C và chị D ký xác nhận và cam kết thanh toán công nợ với Đại lý Việt E do bà Đỗ Thị Việt E là đại diện đại lý và số nợ là 1.452.265.000 đồng, các bên đã thống nhất số liệu trên là đúng, chứ không phải anh C, chị D ký nợ với anh A. Do đó, đủ cơ sở khẳng định lời trình bày của bà Việt E và anh C là có căn cứ và khẳng định số nợ trên là nợ của bà Việt E và tờ giấy xác nhận và cam kết thanh toán công nợ ngày 10/9/2017 mà anh C, chị D ký xác nhận nợ Đại lý Master Tiền Giang do anh A đại diện đại lý nợ số tiền 1.833.048.000 đồng là không có thật, không có căn cứ mua bán thức ăn giữa hai bên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của anh A cũng như không chấp nhận giấy xác nhận nợ ngày 10/9/2017 này.

[6] Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn có cung cấp: Hợp đồng thuê nhà nhưng không ghi ngày, tháng, năm thuê nhà, bên thuê là Đỗ Ngọc H1 với bên cho thuê là bà Đỗ Thị Việt E, hợp đồng được các bên ký kết để cho chị Đỗ Ngọc H1 thuê 01 căn nhà của bà E tại ấp M3, xã N2, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang trong 03 năm, kể từ tháng 01/2016 để làm kho chứa hàng hóa và phía anh A còn cung cấp Hợp đồng mua bán thức ăn gia súc ngày 06/10/2016 với bên mua là Đại lý Master Tiền Giang do anh Lê Đình Minh A đại diện và bên bán là Công ty TNHH CJ VINA AGRI để chứng minh rằng giữa bà E và anh A có hùn làm ăn với nhau, anh A đứng ra mua thức ăn về cho bà E bán. Bà Anh không thừa nhận có hùn vốn với anh A, việc ký hợp đồng thuê nhà với chị H1 là làm giả để đối phó với cơ quan quản lý thị trường khi kiểm tra kho chứa thức ăn của bà vì bà có 02 nhà kho để chứa thức ăn chứ giữa bà và chị H1 không có thuê nhà với nhau nên hợp đồng ký mà không ghi ngày, tháng, năm thuê và chị H1 cũng không có sử dụng nhà này để chứa hàng hóa và không có trả tiền thuê nhà cho bà. Bà Anh cũng cung cấp nhiều hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ giao dịch chuyển khoản vào tài khoản của Công ty TNHH CJ VINA AGRI từ 06/02/2015 đến 27/7/2018 khi mua thức ăn với công ty.

Lời trình bày của người đại diện anh A là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo trình bày của anh A thì bà E có kho chứa thức ăn và trong trường hợp giữa anh A và bà E có hùn vốn với nhau thì giữa các bên sẽ không ký hợp đồng thuê nhà với nhau để chứa thức ăn còn việc anh A có ký hợp đồng mua bán thức

ăn với Công ty là việc mua bán của Đại lý của anh A, không thể chứng minh được việc có hùn vốn giữa bà E và anh A, bởi lẽ bà E cũng thừa nhận khi mua thức ăn từ Công ty, bà sử dụng tên đại lý của anh A để mua để anh A được hưởng hoa hồng từ Công ty và bà cũng trả hoa hồng cho anh A 200 đồng/ký.

[7] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở xác định giữa bà E và anh A không có hùn vốn để làm đại lý thức ăn và việc bà E trả hoa hồng cho anh A là có xảy ra và bà Việt E là người bán thức ăn nuôi gà cho anh C, chị D. Do đó, không có cơ sở xác định anh C, chị D nợ tiền thức ăn của anh A nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A về việc yêu cầu anh C, chị D trả số tiền nợ thức ăn 1.452.265.000 đồng cho anh A và bà E.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Việt E, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua phân tích như nêu trên cũng như lời trình bày tại phiên tòa, anh C cũng khẳng định vợ chồng anh chỉ mua và nợ tiền thức ăn của bà Việt E chứ không nợ anh A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Việt E buộc anh C, chị D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà E số tiền 1.452.265.000 đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại thời điểm xét xử vụ án và phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Đối với yêu cầu tính lãi: Do bà Việt E không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng không xem xét.

[10] Về thời gian trả nợ: khi khởi kiện bà Việt E yêu cầu anh C, chị D trả số tiền 1.452.265.000 đồng trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, theo giấy xác nhận và cam kết thanh toán công nợ ngày 13/3/2018, anh C và chị D có ký xác nhận và cam kết thanh toán công nợ với bà Việt E số nợ 1.452.265.000 đồng, mỗi năm trả 400.000.000 đồng nhưng anh, chị không trả và kéo dài đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận khi xác lập hợp đồng mua bán tài sản, hơn nữa số tiền nợ này lớn và tính đến nay đã lâu, nếu để kéo dài sẽ thiệt thời quyền, lợi ích hợp pháp của bà Việt E. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh C xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, bắt đầu trả khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi xong nợ. Bà Anh đồng ý cho anh C, chị D được trả dần số nợ này, cụ thể: mỗi năm trả 400.000.000 đồng, trả vào thời điểm đầu năm, bắt đầu trả khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi xong nợ. Đây là sự tự nguyện của bà E, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Việt E, buộc anh C, chị D có nghĩa vụ trả số nợ 1.452.265.000 đồng cho bà Việt E, cứ mỗi năm trả 400.000.000 đồng, trả vào thời điểm đầu năm, bắt đầu trả khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi xong nợ.

[11] Đối với chị Đỗ Ngọc H1: Anh C cho rằng trong quá trình mua bán thức ăn chăn nuôi với bà Việt E thì có ký giấy nợ với bà Đỗ Ngọc H1 để dễ mua thức ăn và dễ vay vốn Ngân hàng nhưng qua lời khai của chị H1 khẳng định giữa chị với anh C không có nợ với nhau. Tại phiên tòa, anh C cũng thống nhất không có nợ chị H1 nên Hội đồng không đề cập đến.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Do yêu cầu của bà Việt E được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Việt E thuộc diện miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại.

[13] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt, thời hạn 15 ngày tính từ ngày được Tòa án tổng đạt Bản án hợp lệ.

[14] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật; đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3, 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đình Minh A về việc yêu cầu anh Phạm Văn C và chị Huỳnh Thị Kim D trả số tiền 1.452.265.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Việt E

Anh Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị Kim D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị Việt E số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 1.452.265.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm năm mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*), thời gian trả như sau: mỗi năm trả 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), trả vào thời điểm đầu năm, bắt đầu trả khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi xong số nợ trên.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Phạm Văn C và chị Huỳnh Thị Kim D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Đình Minh A phải nộp 55.567.950 đồng nhưng trừ vào số tiền 27.783.975 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014756 ngày 19/6/2018

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy anh A còn phải nộp thêm 27.783.975 đồng.

Anh C và chị D phải liên đới nộp 55.567.950 đồng

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt, thời hạn 15 ngày tính từ ngày được Tòa án tổng đạt Bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

(Đã ký)

Phạm Văn Tài